

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 4 – 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Mộng K, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Công L, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và các lời khai tại Tòa án chị Lê Mộng K (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục sống chung với anh L nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm có: 08 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k, do anh L đang quản lý. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu chia đôi số tài

sản trên, anh **L** hoàn lại cho chị 04 chỉ vàng 18k và 1,5 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, hiện nay chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung với anh **L**, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 08 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k mà yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Huỳnh Công L**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Mộng K** nhưng anh **L** không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh **L** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh **L** vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập họp lệ anh **Huỳnh Công L** tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh **L** vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **L** theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa chị **Lê Mộng K** với anh **Huỳnh Công L** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Huỳnh Công L** có địa chỉ cư trú tại **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về hôn nhân: Chị **K** và anh **L** chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 28/02/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị **K** yêu cầu được ly hôn với anh **L**, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh **L** không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị **K**, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp

chính đáng. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị **K** và anh **L** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị **K**, cho chị **K** được ly hôn với anh **L** là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị **K** xác định chị và anh **L** không có con chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị **K** yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh **L** là 08 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, hiện chị **K** có yêu cầu xin rút lại không yêu cầu chia tài sản chung với anh **L** đối với số vàng này, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị **Lê Mộng K** về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh **Huỳnh Công L** là 08(Tám) chỉ vàng 18k và 03(Ba) chỉ vàng 24k.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Chị **K** xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, phía anh **L** không có ý kiến yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **K** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Mộng K**.

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Mộng K** được ly hôn với anh **Huỳnh Công L**.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Mộng K về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh Huỳnh Công L là 08(Tám) chỉ vàng 18k và 03(Ba) chỉ vàng 24k.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Mộng K phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 918.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012653, ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; Sau khi đối trừ, chị K được nhận lại số tiền án phí là 618.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Mộng K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Công L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Lương Thế Trân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

